TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2019/DS-PT
Ngày : 15/11/2019
V*/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Quyết
Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền
Ông Nguyễn Hải Vinh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị T1 – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2019/TLPT- DS ngày 26 tháng 9 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/TLPT- DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố BGbị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2019/QĐ-PT ngày 30/10/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 193/2019/QĐ-PT ngày 05/11/2019 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1943

Địa chỉ: Thôn Đại Phú 2, xã PhM , huyện LG, tỉnh Bắc Giang

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn NgS, xã QuTh , huyện LG, tỉnh Bắc Giang – Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2019, (Vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn ThT, xã SM , thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Do anh Nguyễn Ngọc Đ1, đại diện theo ủy quyền, (Có mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lương Ngọc H3, sinh năm 1932, địa chỉ: Thôn Đại Phú 2, xã PhM , huyện LG, tỉnh Bắc Giang, (Vắng mặt).

-Người đại diện theo ủy quyền của ông H3: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn NgS, xã QuTh , huyện LG, tỉnh Bắc Giang - Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2019, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong những năm 2008 -2010 bà T1 đến dạy nghề tại các thôn, xã trên địa bàn xã PhM , huyện LG nên bà T1 thường hay qua lại với gia đình ông H3 ,bà Ph1 . Xuất phát từ mối quan hệ đó ngày 04/8/2008 bà Nguyễn Thị Ph1 có cho bà Nguyễn Thị T1 vay số tiền 1.875.000.000đồng. Khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 04/8/2008 do bà T1 viết và ký. Số tiền nêu trên bà Ph1 cho bà T1 vay một lần, địa điểm vay tại nhà bà Ph1 , thời hạn vay từ ngày 04/8/2008 đến ngày 20/6/2010, mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và ghi trong giấy vay tiền là lãi suất trả theo hàng tháng, quý, năm. Từ khi vay đến nay bà T1 chưa trả được bà Ph1 khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Khi bà Ph1 cho bà T1 vay tiền có anh Nguyễn Ninh Giang là con trai bà T1 biết, chứng kiến và anh Giang có ký nhận làm chứng dưới mục "Người làm chứng trong giấy vay tiền". Bà Ph1 không biết mục đích bà T1 vay tiền để làm gì chỉ biết khi vay bà T1 nói vay có việc. Số tiền 1.875.000.000đồng bà Ph1 cho bà T1 vay là khoản tiền của bà Ph1 và chồng là ông Lương Ngọc H3. Khoản tiền này bà Ph1 cho cá nhân bà T1 vay.

Khi đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận, bà Ph1 đã nhiều lần đến đòi bà T1 trả tiền nhưng bà T1 không trả mà viện nhiều lý do khác nhau. Tại đơn khởi kiện bà Ph1 yêu cầu bà T1 trả khoản tiền gốc 1.875.000.000đồng và yêu cầu trả tiền lãi theoquy định pháp luật. Qúa trình giả quyết vụ án, bà Ph1 thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà T1 trả khoản tiền gốc là 1.875.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi vì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đã hết. Bà Ph1 chỉ yêu cầu cá nhân bà T1 trả tiền, ngoài ra không yêu cầu gì khác, không yêu cầu ai khác trả tiền.Khi cho bà T1 vay khoản tiền nêu trên, bà Ph1 không cầm giữ của bà T1 bất kỳ tài sản, giấy tờ gì.

Bà T1 cho rằng không vay bà Ph1 khoản tiền 1.875.000.000đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008, giấy biên nhận do bà T1 bị ép buộc viết là không đúng vì ngoài việc bà T1 ký và viết giấy biên nhận vay tiền còn có con trai bà T1 là anh Nguyễn Ninh Giang biết và ký nhận làm chứng, giấy biên nhận vay tiền do bà T1 tự nguyện viết, ký tên.

Bà Ph1 không đồng ý với ý kiến của bà T1 cho rằng ngay sau khi ép bà T1 viết giấy vay tiền ngày 04/8/2008, bà Ph1 cùng một số người khác đã ép bà T1 về nhà bà T1 ở thôn ThT, xã SM , thành phố BGđể ép bà T1 viết giấy chuyển nhượng cho bà Ph1 diện tích đất đấu thầu là 1895m^2 tại địa chỉ thôn ThT, xã SM , thành phố BG, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trong nhà vì theo bản phô tô giấy chuyển nhượng đất ngày 04/8/2008 bà T1 cung cấp cho Tòa án chỉ thể hiện có chữ viết, chữ ký của bà T1, không có chữ viết chữ ký của bà Ph1 .

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Trong khoảng thời gian năm 2008,2009 bà làm việc tại Trung tâm dạy nghề cho người tàn tật Ánh Tuyết. Thời gian đó bà tham gia dạy nghề ở tại các xã Xương Lâm, Xuân Hương, PhM và một số xã khác trong huyện LG. Xuất phát từ đó bà có quan biết bà Nguyễn Thị Ph1.

Bà Ph1 khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 1.875.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008 bà không đồng ý vì bà không vay của bà Ph1 bất cứ khoản tiền tài sản nào.

Bà xác nhận chữ viết,chữ ký Nguyễn Thị T1 dưới mục người vay tiền trong giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008 là do bà viết, ký. Chữ ký Nguyễn Ninh Giang dưới mục người làm chứng trong giấy vay tiền ngày 04/8/2008 là của con trai bà Nguyễn Ninh Giang. Lý do bà không vay tiền của bà Ph1 nhưng lại ký, viết vào giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008 vì bà bị khống chế, ép buộc viết. Bà Ph1 thuê các thương binh nặng và một số người cho vay nặng lãi gần nhà bà Ph1 bắt ép bà và con trai viết, ký ở ngay tại nhà bà Ph1 . Ngày hôm đó bà Ph1 điện bảo bà đưa con về nhà bà Ph1 để bà Ph1 bảo lãnh vay hộ mẹ con bà tiền để đóng học cho con trai (là Nguyễn Ninh Giang) khi đó đang học ở Hà Nội. Tin lời bà Ph1 mẹ con bà đã đến nhà bà Ph1 và bị ép buộc viết giấy vay bà Ph1 số tiền 1.875.000.000đồng. Do khi đó có nhiều người cầm gậy gộc khiến mẹ con bà bị hoảng loạn nên bà không biết cụ thể những ai là người đã giúp ba Phu ép buộc mẹ con bà viết giấy. Bà chỉ biết khi đó có một người tên là Lan; bà Hạnh Thiệp nhưng

bà không biết năm sinh, không biết địa chỉ cụ thể và ông H3 là chồng bà Ph1 biết, chứng kiến việc bà bị ép buộc viết giấy biên nhận vay tiền. Ngoài ra còn rất nhiều người khác biết, chứng kiến nhưng bà không biết tên, địa chỉ. Khi bị bà Ph1 ép buộc viết giấy biên nhận vay tiền bà không báo với chính quyền địa phương hay báo Công an và sau đó cũng không báo cho chính quyền địa phương hay công an đề nghị giải quyết vì bà sợ. Bà chỉ có chứng cứ chứng minh việc mẹ con bà bị ép viết giấylà đơn xin xác minh có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Chung, Nguyễn Văn Thắng là người cùng thôn.

Ngay sau khi ép buộc bà viết giấy vay tiền ngày 04/8/2008 bà Ph1 cùng một số người khác đã ép bà về tận nhà bà tại thôn ThT, xã SM , thành phố BGđể épbà viết giấy chuyển nhượng cho bà Ph1 diện tích đất đấu thầu là 1895m^2 tại địa chỉ thôn ThT, xã SM , thành phố BG, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trong nhà được thể hiện tại giấy chuyển nhượng đất ngày 04/8/2008 bà đã cung cấp cho Tòa án bản phô tô.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lương Ngọc H3 do chị Lê Thị H1 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Lương Ngọc H3 là chồng của bà Nguyễn Thị Ph1. Ông H3 có biết bà Nguyễn Thị T1 vì trong những năm 2008 -2010 bà T1 đến dạy nghề tại các thôn, xã trên địa bàn xã PhM , huyện LG nên bà T1 thường hay qua lại với gia đình ông H3, bà Ph1 .Việc bà Ph1 cho bà T1 vay tiền cụ thể thế nào ông H3 không biết vì khi vay bà Ph1 không nói cho ông H3 biết về việc này. Chỉ mấy năm gần đây khi bà Ph1 đòi tiền bà T1 không trả thì bà Ph1 mới nói chuyện với ông H3 và ông H3 mới biết. Số tiền 1.875.000.000đồng bà Ph1 cho bà T1 vay ngày 04/8/2008 là của chung ông bà. Nguồn gốc số tiền này do ông bà tích góp , làm ăn mà có. Nay bà Ph1 khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền này ông đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Ph1 .

Việc bà T1 khai ông H3 khống chế,thuê người ép mẹ con bà T1 viết giấy biên nhận là không đúng vì ban đầu ông H3 cũng không biết việc bà Ph1 cho bà T1 vay tiền nên bà T1 khai ông H3 là người chứng kiến việc bà T1 bị ép viết giấy là không đúng.

Người làm chứng là anh Nguyễn Ninh Giang vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Anh Giang là con đẻ của bà Nguyễn Thị T1.

Anh Giang xác nhận chữ ký, viết " Nguyễn Ninh Giang" dưới mục người làm chứng trong giấy vay tiền ngày 04/8/2008 là do anh tự viết, ký còn toàn bộ chữ viết tay trong giấy vay tiền là của mẹ đẻ anh – bà Nguyễn Thị T1 viết.

Lý do anh ký và viết tại mục người làm chứng trong giấy vay tiền ngày 04/8/2008 vì hôm đó chị Nguyễn Thị Hương là con gái của bà Ph1 điện cho anh và mẹ anh lên nhà bà Ph1 để giải quyết việc vay nợ và làm ăn giữa mẹ anh và bà Ph1 vì trong thời gian đó mẹ anh có lên trên chỗ gia đình bà Ph1 để dạy nghề. Sau khi chị Hương điện gọi điện, anh có đèo bà T1 đến nhà bà Ph1 , khi đến nhà bà Ph1 thì một lúc sau đó có một số thương binh anh không biết họ tên đến nhà bà Ph1 và đe đọa yêu cầu mẹ anh trả tiền vay cho nhà bà Ph1 và hỏi anh là gia đình ở đâu, có còn tài sản gì không. Anh trả lời là gia đình ở thôn ThT, xã SM , thành phố BG, hiện có nhà đất ở đó do vậy bà Ph1 và một số thương binh đã áp giải mẹ con anh về nhà yêu cầu phải viết giấy tờ sang nhượng nhà đất ở thôn ThT, xã SM , thành phố BGcho bà Ph1 do vậy tại nhà anh, anh đã ký vào một số tờ giấy trắng mà không biết nội dung là gì. Theo anh nhớ thì giấy biên nhận ngày 04/8/2008 được lập tại nhà anh và anh ký tại nhà ở thôn ThT, xã SM , thành phố BG. Sau khi ký vào giấy biên nhận ngày 04/8/2008 và một số tờ giấy trắng thì anh đi ra Hà Nội. Anh khẳng định mẹ anh bà Nguyễn Thị T1 không vay bà Ph1 số tiền 1.875.000.000đồng theo giấy biên nhận ngày 04/8/2008, mẹ anh bà T1 có vay bà Ph1 khoản tiền, tài sản nào khác không thì anh không biết. Vì lý do bị đe dọa,ép ký nên anh mới ký vào giấy vay tiền ngày 04/8/2008 chứ thực tế không có việc mẹ anh vay bà Ph1 khoản tiền 1.875.000.000đồng . Do khi đó rất đông người nên anh không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đã ép buộc, đe dọa mẹ con anh viết và ký giấy biên nhận vay tiền. Về chứng cứ, giấy tờ thể hiện anh bị ép ký viết giấy biên nhận vay tiền thì anh không có, chỉ biết hôm đó có rất nhiều hàng xóm chứng kiến, biết việc nhiều thương binh đến gia đình anh để đe dọa mẹ con anh tuy nhiên hàng xóm cũng chỉ được chứng kiến có nhiều người,nhiều thương binh đến gia đình anh chứ họ không được chứng kiến trực tiếp việc mẹ con anh bị ép để ký,viết vào giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Chung vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ông là người cùng thôn với bà T1 (nhà ông ở đối diện với cổng nhà bà T1), không có quan hệ họ hàng gì và cũng không có mâu thuẫn gì. Ông không biết ông H3, bà Ph1 là ai và cũng không có quan hệ gì.

Tại đơn xin xác minh ngày 13/5/2019 của bà Nguyễn Thị T1 mang sang nhờ ông ký vào tối 13/5/2019, ông ký xác nhận với nội dung " *Tôi Nguyễn Văn Chung, sinh năm 1954 xác nhận những lời trong đơn và xác nhận của anh Thắng là hoàn toàn như tôi chứng kiến, tôi xác nhận đúng sự thật xảy ra*" .Vì là quan hệ hàng

xóm nên ông chỉ đọc qua đơn do bà T1 viết mà không xem kỹ nội dung nên viết xác nhận như vậy. Thực tế do nhà ông đối diện với nhà bà T1 nên thời gian cách đây khoảng 10 năm ông thấy rất đông người đến nhà bà T1 còn đến để làm gì, họ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người đó ông không biết, ông cũng không biết khi đó có sự việc gì xảy ra tại nhà bà T1 vì ông không trực tiếp đến để chứng kiến. Ông không biết hôm đó có bà Ph1 , ông H3 không vì ông không biết họ là ai. Ông cũng không biết việc nhiều người đến nhà bà T1 là do có ai chỉ đạo, có ai thuê không.Việc bà T1 có vay tiền của bà Ph1 , ông H3 ở LG hay không thì ông không biết. Ông cũng không biết việc bà T1 có bị bà Ph1 , ông H3 thuê người ép, khống chế bà T1 viết giấy tờ vay tiền hay giấy bán đất hay giấy tờ gì khác không vì ông không được chứng kiến. Ông khẳng định việc ông ký xác nhận vào đơn xin xác minh của bà T1 chỉ là để xác nhận khoảng thời gian cách đây 10 năm (ông không nhớ ngày tháng cụ thể nào) có rất đông người đến nhà bà T1, ngoài ra không xác nhận, không biết, không chứng kiến nội dung gì khác.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Thắng trình bày: Giữa ông với bà T1 là quan hệ hàng xóm không có mâu thuẫn gì (nhà ông ở sát vách nhà bà Nguyễn Thị T1). Ông không biết ông H3 và bà Ph1 là ai. Chữ ký chữ viết Nguyễn Văn Thắng tại đơn xác minh ngày 13/5/2019 của bà Nguyễn Thị T1 là của ông ký và viết xác nhận vào buổi tối ngày 13/5/2019 với nội dung *"Xác nhận vào ngày đó có rất đông thương binh hay giả thương binh đến nhà chị Tuyết rất đông. Xác nhận này là đúng sự thật nếu sau tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật"* . Trong đơn của bà T1 ông có viết "xác nhận vào ngày đó" là ngày tháng năm cụ thể ông không nhớ, chỉ nhớ cách đây khoảng 10 năm, hôm đó có rất nhiều thương binh đến nhà bà T1 còn đến để làm gì, có bao nhiêu người vào nhà bà T1, họ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người đó ông không biết và cũng không biết khi đó có sự việc gì xảy ra tại nhà bà T1. Ông không biết bà Ph1 có thuê người khống chế, ép bà T1 viết giấy vay tiền hay giấy tờ gì khác không vì ông không được trực tiếp chứng kiến. Việc bà T1 có bị ai ép viết giấy vay tiền, viết giấy chuyển nhượng đất hay giấy tờ gì không ông không biếtvì không được trực tiếp chứng kiến.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả Nguyễn Thị Ph1, ông Lương Ngọc H3 số tiền là 1.875.000.000đồng (bằng chữ: Một tỷ, tám trăm bẩy mươi lăm triệu đồng).

- Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 68.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/8/2019, Bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Không đồng ý với toàn bộ bản án số 42/2019/DSST của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Nguyễn Thị Ph1 là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị T1 do anh Nguyễn Ngọc Đ1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Do bị ép buộc nên bà T1 phải viết giấy và ký tên vào giấy vay tiền ngày 04/8/2008 với bà Ph1 nên bà T1 không đồng ý phải trả tiền cho bà Ph1 với số tiền là 1.875.000.000 đồng.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 thấy:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ph1 khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền 1.875.000.000đồng. Căn cứ là bản gốc giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T1, người làm chứng là anh Nguyễn Ninh Giang (con trai bà T1) xác nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008 do bà Ph1 giao nộp cho Tòa án là do bà T1 ký, viết; chữ ký Nguyễn Ninh Giang dưới mục người làm chứng trong giấy biên nhận là của anh Giang viết, ký. Tuy nhiên bà T1, anh Giang cho rằng giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008 là do bà T1 và anh Nguyễn Ninh Giang bị bà Ph1 thuê người khống chế ép viết, ký, thực chất bà T1 không vay bà Ph1 số tiền 1.875.000.0000đồng như bà Ph1 kiện đòi. Căn cứ là đơn xin xác minh ngày 13/5/2019 có chữ ký xác nhận của ông Thắng, ông Chung là người cùng thôn. Tại biên bản làm việc ngày 07/6/2019 tại Tòa án (BL 71-73) ông Chung, ông Thắng đều trình bày không biết bà Ph1 , ông H3 là ai, chỉ được chứng kiến có nhiều người đến nhà bà T1 còn đến để làm gì thì các ông không biết, các ông cũng không biết việc bà T1 có bị bà Ph1 , ông H3 thuê người ép, khống chế bà T1 viết giấy tờ vay tiền hay giấy bán đất hay giấy tờ gì khác không vì các ông không được chứng kiến trực tiếp. Anh Nguyễn Ninh Giang là con trai bà T1 khai (tại BL số78,79*) "hàng xóm cũng chỉ được chứng kiến có nhiều người,nhiều thương binh đến gia đình anh chứ họ không được chứng kiến trực tiếp việc mẹ con anh bị ép để ký,viết vào giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008*". Qúa trình giải quyết vụ án bà T1 khai bà và con trai Nguyễn Ninh Giang bị bà Ph1 , ông H3 khống chế, thuê người ép viết, ký giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008 tại nhà bà Ph1 . Tại phiên tòa bà T1 khai bà và anh Giang bị ép viết giấy vay tiền tại nhà bà T1. Như vậy lời khai của bà T1 không thống nhất. Phía nguyên đơn là bà Ph1 khẳng định giấy biên nhận vay tiền ngày 04/8/2008 do bà T1, anh Giang ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có việc

ép, khống chế bà T1 và anh Giang phải ký, viết. Phía bà T1 không thừa nhận vay tiền, giấy vay tiền ngày 04/8/2008 là do bị ép buộc viết nhưng ngoài lời khai của bà T1, lời khai anh Giang, đơn xin xác minh ngày 13/5/2019 bà T1 không cung cấp được chứng cứ nào khác và cũng không báo công an hay chính quyền địa phương về việc bị bà Ph1 ép buộc nên lời khai của bà T1 là không có cơ sở.

Do vậy, việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 là có căn cứ. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí DSPT theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả Nguyễn Thị Ph1, ông Lương Ngọc H3 số tiền là 1.875.000.000đồng (bằng chữ: Một tỷ, tám trăm bẩy mươi lăm triệu đồng).

[2]. Về án phí:

- Án phí DSST: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 68.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT.

Xác nhận bà Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng án phí DSPT theo biên lai số: AA/2016/0000530 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân Tp. Bắc Giang;
- Chi cục THADS Tp. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Minh Hiền **Nguyễn Hải Vinh** **Đặng Văn Quyết**

Nơi gửi:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân Tp. Bắc Giang;
- Chi cục THADS Tp. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Minh Hiền **Nguyễn Hải Vinh** **Đặng Văn Quyết**